

Số: 881/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 637/QĐ-ĐHCNTT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng giáo dục của Trường Đại học Công nghệ Thông tin giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Trường Phòng Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 07/QĐ-ĐHCNTT-ĐBCL ngày 29/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin quy định về Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: *Tph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT, TTPC-ĐBCL *ph*



## QUY ĐỊNH

Về Hệ thống Đảm bảo chất lượng nội bộ Trường Đại học Công nghệ Thông tin  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-ĐHCNTT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định Hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) nội bộ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐHCNTT) bao gồm: Các quy định chung, cơ cấu tổ chức vận hành hệ thống ĐBCL, khung hệ thống ĐBCL và các điều kiện, tiêu chí để vận hành Hệ thống ĐBCL.

2. Văn bản này được áp dụng đối với các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn, giảng viên và người học của Trường ĐHCNTT.

##### Điều 2. Mục đích

Hệ thống ĐBCL nội bộ Trường ĐHCNTT được thiết kế, vận hành và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng mọi hoạt động chính yếu của Trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Hệ thống ĐBCL nội bộ hướng đến đáp ứng tốt tầm nhìn, sứ mạng, đạt các mục tiêu chiến lược của Trường và đảm bảo sự hài lòng của các bên có liên quan.

##### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đảm bảo chất lượng giáo dục* là toàn bộ chủ trương, chính sách, mục tiêu, cơ chế quản lý, các hoạt động, điều kiện nguồn lực cùng các biện pháp khác để duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng.

2. *Tự đánh giá* là quá trình Trường tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục để đánh giá về tình trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để Trường tự điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. *Đánh giá ngoài* là quá trình khảo sát, đánh giá của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (trong và ngoài nước) dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục để xác định mức độ Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

4. *Chương trình đào tạo (Programme)* bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

5. *Chương trình dạy học (Curriculum)* bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

6. *Các bên liên quan* đến Trường bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các chuyên gia, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

#### **Điều 4. Trách nhiệm thực hiện công tác ĐBCL**

Tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của Trường có trách nhiệm tham gia công tác ĐBCL.

Đơn vị phụ trách ĐBCL (Phòng Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng) có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động về ĐBCL của Trường theo quy định của pháp luật và các cấp có liên quan.

Cán bộ làm công tác ĐBCL cấp khoa/bộ môn có chức năng giúp trưởng khoa/trưởng bộ môn thực hiện các hoạt động về ĐBCL tại đơn vị.

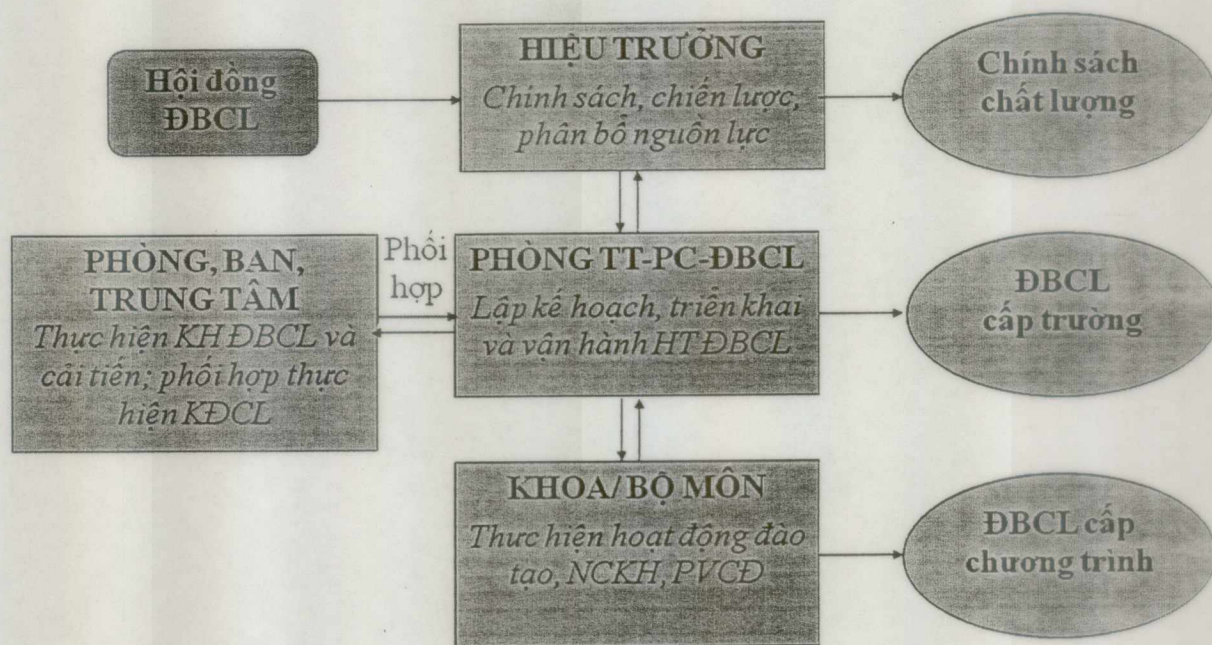
#### **Điều 5. Sơ đồ tổ chức vận hành Hệ thống ĐBCL nội bộ**

Trường ĐHCNTT tổ chức vận hành hệ thống ĐBCL nội bộ theo Hình 1. Theo đó:

Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền chịu trách nhiệm quản lý chất lượng toàn diện về chiến lược ĐBCL, các chính sách, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về ĐBCL đồng thời chỉ đạo triển khai thực hiện các kế hoạch, chính sách để đạt được các mục tiêu chất lượng.

Hội đồng ĐBCL Trường tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch về ĐBCL trong các công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Đơn vị phụ trách ĐBCL, hiện tại là Phòng TT-PC-ĐBCL, có nhiệm vụ và quyền hạn như Điều 6.



**Hình 1. Sơ đồ tổ chức vận hành Hệ thống ĐBCL nội bộ**

Tổ ĐBCL cấp khoa/bộ môn có ít nhất 3 thành viên kiêm nhiệm, gồm 01 lãnh đạo khoa/ bộ môn làm tổ trưởng và các thành viên kiêm nhiệm của khoa/bộ môn. Tổ ĐBCL cấp khoa/bộ môn có nhiệm vụ và quyền hạn như Điều 7.

Phòng, ban, trung tâm có nhiệm vụ thực hiện kế hoạch ĐBCL và cải tiến chất lượng tại đơn vị đồng thời phối hợp thực hiện công tác kiểm định chất lượng của Trường.

**Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của bộ phận phụ trách ĐBCL**

Giúp Hiệu trưởng triển khai thực hiện chủ chương, chính sách, các văn bản pháp quy về công tác ĐBCL của các cấp có liên quan và của Trường; phát triển văn hóa chất lượng trong giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên của Trường.

Giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch công tác ĐBCL, tổ chức định kỳ tự đánh giá, đăng ký kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM tại các tổ chức kiểm định của Việt Nam và quốc tế thuộc danh mục các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ GD&ĐT công nhận.

Giúp việc cho Hội đồng Tự đánh giá của Trường, là đầu mối tham mưu chỉ đạo tích lũy các tài liệu, minh chứng phục vụ cho công tác tự đánh giá, tổng hợp hồ sơ đảm bảo chất lượng và lưu trữ các tài liệu tự đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục hàng năm.

Tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; tổ chức đánh giá kết quả đầu ra, lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chất lượng

đào tạo và các yếu tố ĐBCL; căn cứ kết quả đánh giá, khảo sát lập kế hoạch cải tiến chất lượng.

Định kỳ hàng năm, báo cáo ĐHQG-HCM kết quả cải tiến chất lượng trên cơ sở báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường, kết quả đánh giá chương trình đào tạo, đánh giá đồng cấp; đánh giá kết quả đầu ra, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm học tiếp theo.

Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trên website của Trường, trên các phương tiện thông tin khác theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM.

Tổ chức/ tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác ĐBCL.

Thực hiện các nhiệm vụ khác về ĐBCL do Hiệu trưởng giao.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ ĐBCL cấp khoa/ bộ môn**

Triển khai thực hiện các đường lối chính sách, các văn bản pháp quy, quy chế, qui định về công tác ĐBCL của các cấp có liên quan và của Trường; phát triển văn hóa chất lượng giáo dục trong cán bộ, giảng viên, sinh viên;

Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác ĐBCL tại khoa/bộ môn đáp ứng yêu cầu của Trường và của ĐHQG-HCM; Triển khai hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp chương trình theo các bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực và thế giới mà Trường đang thực hiện;

Triển khai các hoạt động khắc phục sau đánh giá và phối hợp với đơn vị phụ trách ĐBCL thực hiện các công việc khác theo quy định, quy trình về hoạt động ĐBCL của Trường;

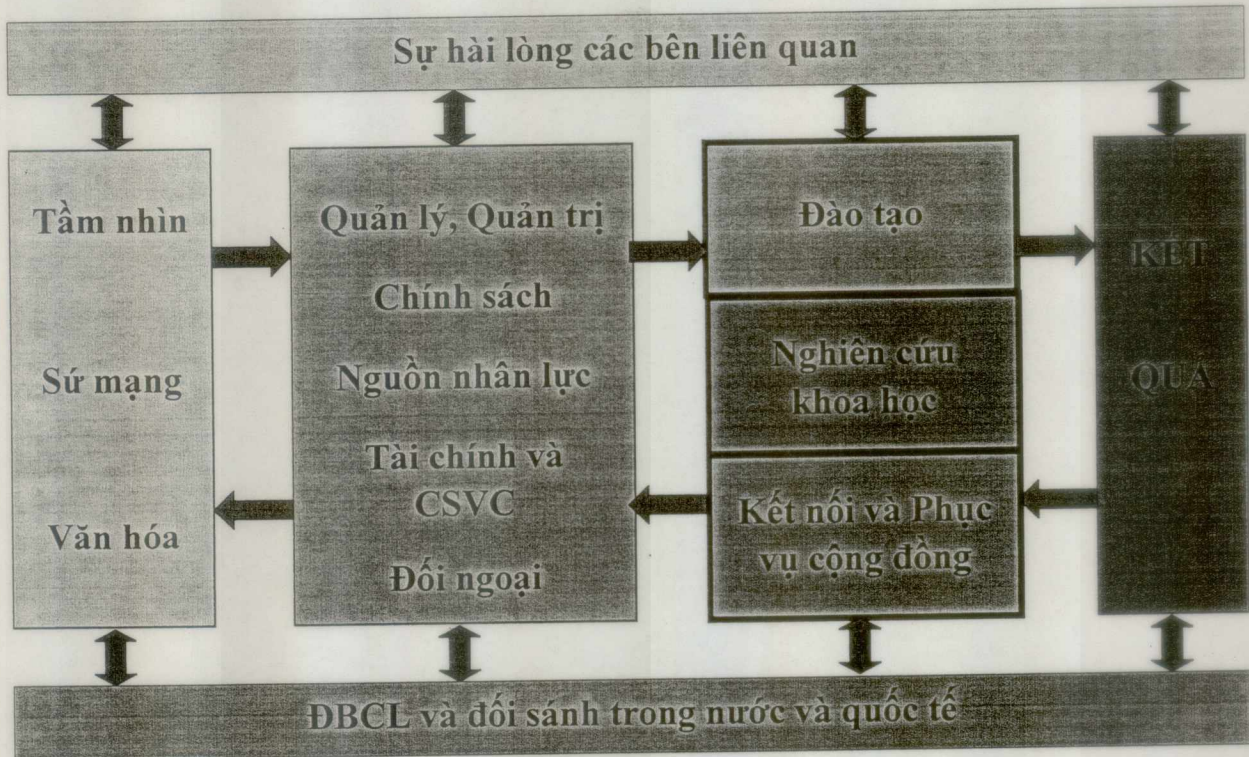
Thực hiện/ tham gia khảo sát, điều tra phục vụ công tác ĐBCL tại đơn vị và tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác ĐBCL.

### **Chương 2**

## **HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NỘI BỘ**

#### **Điều 8. Khung Hệ thống ĐBCL nội bộ của Trường ĐHCNTT**

Khung Hệ thống ĐBCL nội bộ của Trường ĐHCNTT được xây dựng dựa trên khung ĐBCL cấp cơ sở giáo dục của tổ chức AUN, bộ tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được điều chỉnh theo tình hình thực tế tại Trường. Khung Hệ thống ĐBCL nội bộ được mô tả như Hình 2.



*Hình 2. Khung Hệ thống ĐBCL nội bộ Trường ĐHCNTT*

Sự hài lòng các bên liên quan được thể hiện trong xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa cũng như thiết lập hệ thống quản trị, cơ cấu lãnh đạo, quản lý, xây dựng các nguồn lực về con người, tài chính, cơ sở vật chất, đối ngoại nhằm triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ;

ĐBCL xuyên suốt trong mọi hoạt động chính yếu trong Trường thông qua công tác xây dựng kế hoạch, ban hành và thực thi các chính sách, quy trình, quy định cùng với hệ thống giám sát, rà soát, đánh giá bằng các công cụ ĐBCL chuyên biệt để cải tiến liên tục nhằm đạt được kết quả về mục tiêu chất lượng.

Hệ thống ĐBCL nội bộ Trường được vận hành xuyên suốt thông qua quy trình PDCA (Plan – Lập kế hoạch, Do – Triển khai thực hiện, Check – Rà soát/ đánh giá, Act – Điều chỉnh/ cải tiến) nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Trường từ lập kế hoạch, triển khai thực hiện cho đến rà soát, đánh giá và cải tiến đều tuân thủ theo quy trình, quy định.

Hệ thống ĐBCL nội bộ được vận hành thông qua các hoạt động chi tiết trong Phụ lục đính kèm.

#### **Điều 9. Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy trình**

Hệ thống các quy định, quy trình ĐBCL được xây dựng phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG-HCM và các quy định khác có liên quan; được định kỳ rà soát, cải tiến để triển khai các hoạt động ĐBCL một cách có hệ thống, hiệu quả và nhất quán.

## **Điều 10. Hệ thống thông tin đảm bảo**

1. Chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu, đảm bảo thông tin được thu thập một cách chính xác, khách quan, nhanh chóng và đảm bảo công tác lưu trữ.

2. Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và cập nhật về Trường, các chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, bằng cấp mà người học nhận được sau khi tốt nghiệp, các quy trình giảng dạy và kiểm tra đánh giá; các cơ hội học tập cho người học, cơ hội việc làm, tình hình kiểm định nhằm đảm bảo các bên liên quan có thể tìm thấy, truy cập dễ dàng các nguồn thông tin này khi có nhu cầu.

## **Chương 3**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11.** Đơn vị phụ trách ĐBCL có trách nhiệm triển khai thực hiện các chính sách, hướng dẫn, kế hoạch về ĐBCL theo chức năng nhiệm vụ và theo chỉ đạo của Hiệu trưởng nhằm vận hành Hệ thống ĐBCL nội bộ đạt được mục tiêu chất lượng đào tạo của Trường.

**Điều 12.** Các đơn vị liên quan trong Trường có trách nhiệm rà soát và cập nhật, bổ sung các quy trình, quy định; lập kế hoạch và triển khai thực hiện công tác ĐBCL liên quan theo Hệ thống này.

**Điều 13.** Dựa trên các báo cáo, đề xuất của đơn vị phụ trách ĐBCL và các đơn vị liên quan, Ban Giám hiệu xem xét và đưa ra các quyết định điều chỉnh về chiến lược, chính sách ĐBCL tại Trường khi cần thiết. *K. Pugh*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Đức Lung**

## PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-ĐHCNTT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Tiêu chuẩn và các bước thực hiện	CÁC HOẠT ĐỘNG
<b>1</b>	<b>TÂM NHÌN, SỨ MẠNG, VĂN HÓA</b>
P	<b>Xây dựng tầm nhìn và sứ mạng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</b>
P	<b>Xây dựng các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng</b>
D	<b>Phổ biến và giải thích tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa để thực hiện</b>
CA	<b>Rà soát và cải tiến tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</b>
<b>2</b>	<b>QUẢN TRỊ</b>
P	<b>Thành lập hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) theo quy định</b>
D	<b>Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện</b>
CA	Hệ thống quản trị được <b>rà soát</b> thường xuyên và <b>cải tiến</b> để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn
<b>3</b>	<b>LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ</b>
P	Thiết lập <b>cơ cấu quản lý</b> trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược
D	Thực hiện chia sẻ <b>thông tin, kết nối</b> các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược
CA	Cơ cấu lãnh đạo và cơ cấu quản lý được <b>rà soát</b> thường xuyên và <b>cải tiến</b> nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc.



Tiêu chuẩn và các bước thực hiện	CÁC HOẠT ĐỘNG
4	<b>QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC</b>
P	<b>Xây dựng kế hoạch chiến lược</b> nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong DT, NCKH và PVCĐ
D	<b>Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện</b>
C	<b>Thiết lập các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược</b>
A	<b>Cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để đạt được các mục tiêu chiến lược</b>
5	<b>CHÍNH SÁCH</b>
P	<b>Xây dựng các chính sách về DT, NCKH và PVCĐ</b>
D	<b>Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện</b>
CA	Các chính sách về DT, NCKH và PVCĐ được <b>rà soát</b> thường xuyên và <b>cải tiến</b> nhằm tăng hiệu quả hoạt động, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan
6	<b>QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC</b>
P	<b>Quy hoạch nguồn nhân lực</b> để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động DT, NCKH và PVCĐ
P	Các <b>tiêu chí tuyển dụng</b> và <b>lựa chọn</b> (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được <b>xác định</b> và được <b>phổ biến</b> .
P	<b>Xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực</b> (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm <b>CB, GV, NV</b> khác nhau
D	<b>Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển</b> đội ngũ <b>CB, GV, NV</b> được <b>xác định</b> và có các hoạt động được <b>triển khai</b> để đáp ứng các nhu cầu đó
D	Hệ thống <b>quản lý việc thực hiện nhiệm vụ</b> (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được <b>triển khai</b> để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt

Tiêu chuẩn và các bước thực hiện	CÁC HOẠT ĐỘNG
	động ĐT, NCKH và PVCĐ
CA	Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên và cải tiến để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ
7	<b>QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT</b>
PDCA	<b>Thiết lập và vận hành</b> hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ
PDCA	<b>Thiết lập và vận hành</b> hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ
PDCA	<b>Thiết lập và vận hành</b> hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ
PDCA	<b>Thiết lập và vận hành</b> hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ
PDCA	<b>Thiết lập và vận hành</b> hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt.
8	<b>ĐỐI NGOẠI</b>
P	Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược
D	Triển khai thực hiện các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.
CA	Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát và cải tiến

Tiêu chuẩn và các bước thực hiện	CÁC HOẠT ĐỘNG
9	<b>HỆ THỐNG ĐBCL BÊN TRONG</b>
P	<b>Thiết lập cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL</b>
P	<b>Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL</b>
D	<b>Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện</b>
D	<b>Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai</b>
C	<b>Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL</b>
A	<b>Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL</b>
10	<b>TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI</b>
P	<b>Thiết lập kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài</b>
D	<b>Thực hiện việc tự đánh giá và đánh giá ngoài định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo</b>
C	<b>Rà soát các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài</b>
A	<b>Cải tiến quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài để đáp ứng các mục tiêu chiến lược</b>
11	<b>HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐBCL BÊN TRONG</b>
P	<b>Thiết lập kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD</b>
D	<b>Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm</b>

Tiêu chuẩn và các bước thực hiện	CÁC HOẠT ĐỘNG
	hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự <b>thống nhất, bảo mật và an toàn</b>
CA	<b>Rà soát và cải tiến</b> việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ
<b>12</b>	<b>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG</b>
P	Xây dựng <b>kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng</b> bao gồm các <b>chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực</b> để thực hiện tốt nhất hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ
P	<b>Thiết lập các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh</b> để nâng cao chất lượng hoạt động
D	<b>Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh</b> nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo
CA	<b>Rà soát và cải tiến</b> quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong ĐT, NCKH và PVCĐ
<b>13</b>	<b>TUYỂN SINH, NHẬP HỌC</b>
P	Xây dựng <b>kế hoạch, chính sách và truyền thông</b> để <b>tuyển sinh</b> cho các CTĐT
P	Xây dựng <b>tiêu chí chọn lựa sinh viên</b> có chất lượng cho mỗi CTĐT
D	<b>Quy trình giám sát công tác tuyển sinh</b> được thực hiện
CA	Có các <b>biện pháp giám sát và cải tiến</b> việc <b>tuyển sinh, nhập học</b>
<b>14</b>	<b>THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CTDH</b>
P	Thiết lập hệ thống để <b>thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành</b> các CTDH cho tất cả CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan
D	Có hệ thống <b>xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR</b> của các CTĐT và các môn học/học phần phù hợp nhu cầu các bên liên quan

Tiêu chuẩn và các bước thực hiện	CÁC HOẠT ĐỘNG
CA	Rà soát và cải tiến các quy trình và việc thực hiện CTDH
15	<b>GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP</b>
P	Thiết lập hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt CDR
D	Triển khai hệ thống để thu hút, tuyển chọn, phân công đội ngũ giảng dạy
D	Các hoạt động dạy - học thúc đẩy việc học tập suốt đời và được tổ chức phù hợp để đạt được CDR
C	Giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động dạy - học
A	Cải tiến triết lý giáo dục và hoạt động dạy - học
16	<b>ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC</b>
P	Thiết lập hệ thống để lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp với môn học
D	Hoạt động đánh giá người học được thực hiện phù hợp để đạt được CDR
CA	Rà soát, đánh giá và cải tiến các loại hình và phương pháp đánh giá người học để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị
17	<b>HỖ TRỢ VÀ PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC</b>
P	Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học
D	Thực hiện kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học
CA	Rà soát, đánh giá và cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học
18	<b>QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>
P	Thiết lập hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

D	Thực hiện chiến lược tìm kiếm nguồn <b>kinh phí</b> phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao để đạt được tầm nhìn và sứ mạng
C	<b>Sử dụng các chỉ số thực hiện chính</b> để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu
A	<b>Cải tiến công tác quản lý</b> nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học
19	<b>QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ</b>
P	Thiết lập hệ thống <b>quản lý</b> và <b>bảo hộ</b> các <b>phát minh, sáng chế, bản quyền</b> và <b>kết quả nghiên cứu</b>
D	<b>Triển khai</b> hệ thống <b>ghi nhận, lưu trữ</b> và <b>khai thác</b> tài sản trí tuệ
CA	<b>Rà soát</b> và <b>cải tiến</b> công tác quản lý tài sản trí tuệ được để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng
20	<b>HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NCKH</b>
P	<b>Thiết lập</b> các mối quan hệ <b>hợp tác</b> và <b>đối tác</b> trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu
D	<b>Triển khai</b> các <b>chính sách</b> và <b>quy trình</b> thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu
CA	<b>Rà soát</b> tính hiệu quả và <b>cải thiện</b> các hoạt động <b>hợp tác</b> và <b>đối tác</b> nghiên cứu để đạt được các mục tiêu nghiên cứu
21	<b>KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG</b>
P	Xây dựng <b>kế hoạch</b> <b>kết nối</b> và <b>cung cấp</b> các <b>dịch vụ PVCĐ</b> để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng
D	Triển khai thực hiện các <b>chính sách</b> và <b>hướng dẫn</b> cho hoạt động <b>kết nối</b> và <b>PVCĐ</b>
C	<b>Hệ thống đo lường, giám sát</b> việc <b>kết nối</b> và <b>PVCĐ</b> được thực hiện
A	<b>Cải tiến</b> việc <b>cung cấp</b> các dịch vụ phục vụ và <b>kết nối</b> cộng đồng để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan
22	<b>KẾT QUẢ ĐÀO TẠO</b>
Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học	

	phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
23	<b>KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>
	Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.
	Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp, v.v. được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
24	<b>KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG</b>
	Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến
	Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

25

**KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG**

**Kết quả và các chỉ số tài chính** của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD được **xác lập, giám sát và đối sánh** để cải tiến

**Kết quả và các chỉ số thị trường** của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD được **xác lập, giám sát và đối sánh** để cải tiến

*Tmk*

**Ghi chú:**

Quy định này gồm 25 tiêu chuẩn;

Các hoạt động được thực hiện theo quy trình PDCA, trong đó “P”: Plan – Lập kế hoạch → “D”: Do – Triển khai thực hiện → “C”: Check – Rà soát/ đánh giá → “A”: Act – Điều chỉnh/ cải tiến.